

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/KDTM-PT

Ngày: 06 - 9 - 2019

V/v tranh chấp về việc chuyển nhượng
phần vốn góp giữa các thành viên công ty
và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Vũ Ngọc Huynh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:**
Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “*Tranh chấp về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên của công ty và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1559/2018/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 953/2019/QĐPT ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quý T, Sinh năm: 1951 (Có mặt)

Địa chỉ: 101 Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Minh T là luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Minh T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th, Sinh năm: 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: D8/1A ấp 4, xã Quý Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Anh V, là luật sư của Công ty luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH TM DV Kinh doanh xăng dầu Hoàng Th

Địa chỉ: D8/1A ấp 4, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: ông Trần Văn Th – giám đốc (Có mặt)

2. Ông Trần Văn L

Địa chỉ: 409 Lô A3, Chung cư Thanh Mỹ Lợi, phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Quý Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Nguyễn Quý T trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè đồng nghiệp nên khi ông Trần Văn Th cần tiền để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty TNHH TM DV Kinh doanh xăng dầu Hoàng Th (gọi tắt là Công ty Hoàng Th), từ năm 2002 đến năm 2008 ông T đã cho ông Th vay tiền nhiều lần. Đến năm 2008 khi số tiền ông Th nợ tăng lên một tỷ đồng, ông T yêu cầu ông Th ra phòng công chứng xác nhận khoản vay nhưng ông Th nói sẽ làm thủ tục ghi tên ông T làm thành viên góp vốn của Công ty Hoàng Th nên ngày 03/11/2008 các thành viên góp vốn của công ty là ông Th, ông Lợi và ông T đã cùng ký biên bản góp vốn xác nhận số vốn góp của ông T tại Công ty Hoàng Th là một tỷ đồng và cam kết số tiền này được bảo toàn trong mọi tình huống kinh doanh, đồng ý cho ông được rút vốn ra khi báo trước cho công ty ba tháng và được thực hiện trả dần theo từng tháng. Tuy trên giấy tờ ghi nhận ông T là thành viên góp vốn nhưng ông không được chia lợi nhuận mà thực chất đây là khoản tiền ông Th vay và trả tiền lãi hàng tháng thông qua các phiếu chi tiền của công ty Hoàng Th. Đến năm 2012 ông Th lại vay thêm nên ngày 16/7/2012 hai bên xác lập Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung ông T cho ông Th vay 500.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 16/7/2012 với lãi suất là 1,1%/ tháng và hàng tháng ông đều nhận tiền lãi cho hai khoản vay này đến tháng 6/2013. Đến ngày 02/7/2013 ông Th đã lập bản thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền lãi cho cả hai khoản tiền một tỷ tiền góp vốn vào công ty và 500.000.000 đồng tiền nợ cá nhân. Thỏa thuận tính tiền lãi cho cả hai khoản là 24.000.000 đồng/tháng, bắt đầu trả lãi từ ngày 01/10/2013. Tuy nhiên ông Th cố tình né tránh và không trả nên đến ngày 01/8/2016 ông T và ông Th lập bản thỏa thuận xác nhận khoản vốn góp một tỷ của ông T tại Công ty Hoàng Th nhập với số tiền vay cá nhân 500.000.000 đồng thành nợ cá nhân ông Th có trách nhiệm thanh toán tổng hai khoản này với số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho hai khoản nợ trên như cam kết tại bản thỏa thuận ngày 02/7/2013 được tính từ ngày 01/10/2013 với số tiền lãi tổng cộng là 888.000.000 đồng. Tổng số tiền là 2.388.000.000 đồng. Ông Th cam kết chậm nhất đến ngày 31/12/2016 sẽ thanh toán hết số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh

toán mà chỉ thanh toán được khoảng 10 tháng tiền lãi (mỗi tháng 12.000.000 đồng) nên ông T khởi kiện.

Tại tòa nguyên đơn yêu cầu ông Th phải chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán ngay số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 888.000.000 đồng, tổng cộng là 2.388.000.000 đồng theo bản thỏa thuận ông Th đã cam kết vào ngày 01/8/2016 và yêu cầu ông Th phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng vay là 1,1%/tháng trên số nợ gốc 1.500.000.000 đồng từ thời điểm ngày 01/10/2013 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – ông Trần Văn Th trình bày:

Ông Th xác nhận ngày 16/7/2012 ông và ông T đã ra Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng vay của ông T 500.000.000 đồng với thời hạn 6 tháng lãi suất 1,1%/tháng và ngày 01 tháng 08 năm 2016 ông đã ký bản thỏa thuận với ông Nguyễn Quý Th về việc xác nhận khoản góp vốn 1.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Quý Th vào Công ty Xăng dầu Hoàng Th theo biên bản góp vốn ngày 03/11/2008. Vào ngày 02/7/2013 khi công ty làm ăn thua lỗ, theo yêu cầu của ông T, ông đã ký bản thỏa thuận xác nhận tổng số tiền ông vay của ông T là 1.500.000.000 đồng và thỏa thuận trả lãi mỗi tháng là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên do Công ty làm ăn thua lỗ không có tiền trả lãi cho ông T như thỏa thuận nên ngày 01/8/2016 sau khi tính toán tổng số tiền cả lãi và vốn ông nợ ông T là 2.388.000.000 đồng.

Ông T cho rằng khoản tiền 1.000.000.000 đồng góp vốn đã được chuyển thành khoản nợ cá nhân căn cứ trên các biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2016, tuy nhiên các thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật bởi lẽ khoản tiền 1.000.000.000 đồng là khoản tiền ông T đã tự nguyện góp vốn vào Công ty Hoàng Th, do công ty làm ăn thua lỗ nên ông T mới buộc ông Th với tư cách là giám đốc Công ty Hoàng Th chịu trách nhiệm cá nhân là không đúng vì giữa ông và ông T không hề có thỏa thuận, hợp đồng về việc chuyển nhượng số tiền vốn góp của ông T tại Công ty Hoàng Th cho ông, do đó đến thời điểm hiện tại cá nhân ông không nợ ông T khoản tiền 1.000.000.000 đồng vì đây là tiền ông T góp vốn vào Công ty Hoàng Th do đó toàn bộ tiền lãi liên quan đến khoản tiền này ông không có trách nhiệm phải thanh toán cho ông T. Nay ông không đồng ý thanh toán khoản tiền 2.388.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại tòa bị đơn thừa nhận đã trả lãi cho ông T đầy đủ đến tháng 6 năm 2013 và sau khi ký bản thỏa thuận ngày 01/8/2016 thì ông trả thêm cho ông T 120.000.000 đồng tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH TM DV KD Xăng dầu Hoàng Th – ông Trần Văn Th là đại diện pháp luật trình bày:

Công ty TNHH TM DV KD Xăng dầu Hoàng Th (gọi tắt là Công ty Hoàng Th) được thành lập vào ngày 04 tháng 06 năm 2002. Gồm 3 thành viên là ông Trần Văn Th, ông Nguyễn Quý T và ông Trần Văn L. Ông Nguyễn Quý Th là thành viên góp vốn và là Phó giám đốc của Công ty Hoàng Th với số vốn góp là

1 tỷ đồng, chứng cứ để chứng minh ông T là thành viên góp vốn là biên bản góp vốn ngày 03/11/2008 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã ghi rõ ông T góp số vốn là 1 tỷ đồng tỷ lệ là 14.49% vốn điều lệ của công ty, vốn điều lệ của Công ty Hoàng Th là 6.900.000.000 đồng.

Ông T cho rằng thực chất số tiền góp vốn này là tiền cá nhân ông Th vay ông T là không đúng vì ông T đã ký biên bản góp vốn ngày 03/11/2008 đồng ý tự nguyện góp số vốn một tỷ vào công ty, công ty đã ghi nhận tên ông T là thành viên góp vốn và đăng ký với Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thời điểm đó đến nay ông T vẫn là thành viên góp vốn, tại sổ đăng ký thành viên của công ty và tại giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty Hoàng Th và các chứng từ sổ sách của Công ty Hoàng Th đều thể hiện ông T là thành viên góp vốn với tỷ lệ vốn góp là 14.49% vốn điều lệ của công ty. Hàng tháng công ty đều chia tiền lợi nhuận cho ông T thể hiện tại các phiếu chi tiền tại hồ sơ vụ án. Công ty chưa bao giờ tiến hành làm thủ tục thông báo đến phòng đăng ký kinh doanh nơi công ty đăng ký về việc chuyển số tiền vốn góp của ông T qua ông Th. Công ty Hoàng Th làm ăn thua lỗ từ năm 2013 nên ông T không có quyền được yêu cầu rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, ông Th cũng chưa mua lại phần vốn góp một tỷ của ông T do đó đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại tòa Công ty Hoàng Th xác định đến thời điểm hiện tại ông T vẫn là thành viên góp vốn với tỷ lệ vốn góp là 14.49% vốn điều lệ của công ty và với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Hoàng Th xác định không có yêu cầu độc lập nào trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn L trình bày:

Ông Lợi là thành viên góp vốn của công ty Hoàng Th, do công ty làm ăn thua lỗ nên các thành viên góp vốn đều phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty do đó đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1559/2018/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 4 Điều 30, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 3 Điều 38, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 52; Điều 53 Luật Doanh nghiệp 2015;

Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quý T buộc ông Trần Văn Th có trách nhiệm thanh toán số tiền góp vốn 1.000.000.000 (một

tỷ) đồng của ông T vào Công Ty TNHH TM DV KD Xăng dầu Hoàng Th và số tiền lãi phát sinh trên số tiền này.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quý T: Buộc ông Trần Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quý T số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 210.000.000 đồng. Tổng cộng là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Quý Th kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án đối với số tiền 1 tỷ đồng và lãi xuất của số tiền 500 triệu đồng. Ngày 03/6/2019 ông có kháng cáo bổ sung đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Lý do: Sơ thẩm không xem xét bản chất vụ án. Ông Th có vay ông T 1 tỷ đồng. Tại phiên tòa ông Th có khẳng định vay nợ nhiều lần tổng số tiền gần 1 tỷ đồng nên chuyển sang thành tiền góp vốn. Tại biên bản góp vốn ngày 03/11/2008 là trái pháp luật nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đúng bản chất. Nội dung có ghi số tiền 1 tỷ đồng được bảo toàn trong mọi tình huống là trái khoản 1 Điều 51 Luật doanh nghiệp. Còn nội dung Hội đồng thành viên được rút vốn ra trong 3 tháng trái với khoản 2 Điều 51 Luật doanh nghiệp. Do đó, biên bản góp vốn của nguyên đơn ông T và ông Th là vô hiệu. Giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm pháp luật và hợp đồng giả tạo. Thể hiện biên bản họp hội đồng thành viên và biên bản góp vốn xác định số vốn nguyên đơn ông T góp vốn vào là 1 tỷ đồng nhưng ông T thực chất không nộp vào. Khi góp vốn phải có phiếu thu nhưng công ty không đưa ra được phiếu thu. Theo Luật doanh nghiệp phải lập sổ thành viên góp vốn nhưng không có giấy chứng nhận góp vốn. Chứng minh là không có việc góp vốn. Ông Th nói ông T cứ ký vào biên bản góp vốn sẽ trả nợ dễ hơn nên ông T mới ký. Sự thật ông Th không góp vốn mà là tiền vay. Do đó, ông T không phải thành viên góp vốn. Cả 9 lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ông T đều không ký vào biên bản họp hội đồng thành viên nên vi phạm Luật doanh nghiệp. Thể hiện ông T không được tham gia vào các hoạt động, không chia lãi của công ty. Không được thực hiện các quyền của hội đồng thành viên. Cấp sơ thẩm xác định ông T là thành viên góp vốn nhưng không giải quyết quyền lợi của ông T có vốn góp 14,49%. Do vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Sửa toàn bộ bản án. Tuyên biên bản góp vốn là vô hiệu. Buộc ông Th trả cho nguyên đơn số tiền 1.5 tỷ đồng. Lãi 888 triệu đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2015 và tiền lãi quá hạn đối với số tiền 500 triệu đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn ông Phạm Anh Vũ trình bày: Biên bản góp vốn ngày 3/11/2014 nếu đề nghị tuyên bố vô hiệu chỉ vô hiệu phần sau chứ không thể vô hiệu toàn bộ. Tại lời khai ông T cho rằng không ký biên bản thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, năm 2013 ông vẫn ký biên bản liên

quan đến việc thanh lý công ty và giải thể công ty. Về việc thỏa thuận góp vốn: Công ty Hoàng Th nhận nhiều lần tiền của ông T chuyển tiền vay thành tiền góp vốn các bên đã tiến hành thay đổi đăng ký kinh doanh, đúng quy định sổ kế hoạch mới đăng ký kinh doanh. Chuyển khoản vay sang thành viên góp vốn không vi phạm pháp luật. Khi ông T đã vào làm thành viên công ty ông T chỉ có thể chuyển nhượng cho các thành viên khác chứ không được rút vốn ra. Ông T chưa bao giờ chuyển nhượng vốn góp nên vốn góp ông T vẫn còn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: Việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phiên tòa các bên đều thừa nhận biên bản góp vốn ghi nhận phần vốn góp 1 tỷ đồng. Tại giấy kinh doanh thay đổi lần thứ 10 đã ghi nhận nội dung ông T góp vốn 1 tỷ đồng với tỷ lệ vốn góp là 14.49% vốn điều lệ của công ty. Mặc dù bản thỏa thuận đã ghi chuyển thành nợ cá nhân, nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng từ ông T qua ông Th, ông T thể hiện ông Th vẫn đang là thành viên công ty. Công ty Hoàng Th chưa đăng ký giải thể. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay 500 triệu đồng: Thời hạn vay 6 tháng. Lãi suất phù hợp với quy định. Do đó không có cơ sở chấp nhận lãi phát sinh. Đề nghị bác kháng cáo nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quý Th nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quý Th:

Tại biên bản góp vốn ngày 03 tháng 11 năm 2008 các thành viên công ty đã thống nhất ghi nhận phần vốn góp của ông T là một tỷ đồng, Công ty Hoàng Th đã lập Thông báo ngày 03/11/2008 xác nhận ông T góp đủ số vốn một tỷ với tỷ lệ vốn góp là 14,49% và làm thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp. Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 10 vào ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Công ty TNHH TMDVKD Xăng dầu Hoàng Th đã ghi nhận nội dung ông T góp số vốn là 1 tỷ đồng với tỷ lệ vốn góp là 14.49% vốn điều lệ của Công ty Hoàng Th.

Ngày 16/7/2012, ông T và ông Th xác lập Hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung ông T cho ông Th vay

500.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 16/7/2012 với lãi suất là 1,1%/ tháng, tại tòa ông Th đã thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng này và đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền vay này.

Ngày 02/7/2013, ông Th và ông T cùng lập bản thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền lãi cho cả hai khoản tiền một tỷ tiền góp vốn vào công ty và 500.000.000 đồng tiền nợ cá nhân. Thỏa thuận tính tiền lãi cho cả hai khoản bắt đầu từ ngày 01/10/2013.

Ngày 01/8/2016 ông T và ông Th đã lập bản thỏa thuận xác nhận khoản vốn góp một tỷ của ông T tại công ty Hoàng Th nhập với số tiền vay cá nhân 500.000.000 đồng thành nợ cá nhân ông Th phải có trách nhiệm thanh toán tổng hai khoản này với số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho hai khoản nợ trên như thỏa thuận tại bản thỏa thuận ngày 02/7/2013 được tính từ ngày 01/10/2013 với số tiền lãi tổng cộng là 888.000.000 đồng. Tổng số tiền là 2.388.000.000 đồng.

Ông T căn cứ vào Bản thỏa thuận ngày 01/8/2016 và Hợp đồng vay tiền ngày 1/7/2012 khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Th phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2013 đến nay. Ông Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T với lý do khoản tiền một tỷ là tiền ông T đã tự nguyện góp vốn vào Công ty Hoàng Th từ năm 2008 theo biên bản góp vốn ngày 03/11/2008. Ông T đã tham gia vào hoạt động của Công ty Hoàng Th với tư cách là thành viên vốn góp và giữ chức vụ phó giám đốc công ty, Công ty Hoàng Th đã làm thủ tục hoàn tất tại Sở kế hoạch đầu tư và trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ năm 200 cho đến nay của Công ty Hoàng Th đều thể hiện rõ ông T là thành viên góp vốn với số vốn góp là 1 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp là 14.49% vốn điều lệ của công ty.

Ngoài bản thỏa thuận nguyên đơn xác định không làm các thủ tục chào bán phần vốn góp của ông T cho các thành viên còn lại là ông Th và ông Lợi theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của ông T trong công ty theo qui định tại Điều 53 Luật Doanh nghiệp, ông T thừa nhận do không hiểu biết nên cả hai bên đã không làm hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng số vốn góp một tỷ từ ông T qua ông Th.

Theo công văn số 8821/ĐKKD-KT ngày 07/12/2017 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp đã xác định Công ty Hoàng Th chưa đăng ký giải thể và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Hoàng Th (mã số doanh nghiệp 0302630463) vẫn thể hiện ông Nguyễn Quý T có số vốn góp vào công ty là 1.000.000.000 đồng với tỷ lệ là 14,49% . Do đó có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn ông Th cho rằng số vốn góp 1.000.000.000 đồng mà ông T góp vốn vào Công ty Hoàng Th vẫn chưa được chuyển nhượng cho ông Th nên cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Quý T yêu cầu ông Trần Văn Th phải chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán số tiền góp vốn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng của ông T vào công ty Hoàng Th và số tiền lãi phát sinh liên quan đến số tiền góp vốn này là có căn cứ.

Đối với số nợ gốc 500 triệu đồng hai bên không kháng cáo nên hội đồng xét xử không xem xét. Về mức lãi suất hai bên thỏa thuận 1,1%/ tháng là phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, do đó cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Th phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/11/2018 (60 tháng) = 500.000.000 đồng x 1,1% x 60 tháng = 330.000.000 đồng – 120.000.000 đồng (tiền lãi ông T đã nhận) = 210.000.000 đồng là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn yêu cầu trả lãi chậm thanh toán bằng 150% lãi trong hạn. Yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quý Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do ông Nguyễn Quý Th là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quý Th; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 4 Điều 30, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 3 Điều 38, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 52; Điều 53 Luật Doanh nghiệp 2015;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quý T buộc ông Trần Văn Th có trách nhiệm thanh toán số tiền góp vốn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng của ông T vào Công ty TNHH TM DV KD Xăng dầu Hoàng Th và số tiền lãi phát sinh trên số tiền này.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quý T: Buộc ông Trần Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quý T số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 210.000.000 đồng. Tổng cộng là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng.

Thực hiện một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quý T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn Th không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng ông Th còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Quý T và bị đơn ông Trần Văn Th được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quý T số tiền tạm ứng án phí là 40.238.200 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm ba mươi tám ngàn hai trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0030014 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quý Th được miễn án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Quý Th số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0045695 ngày 23/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự (4)
- Lưu VP (6). HS (15). (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân